

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty CP Xây dựng HUD101 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính năm 2023 với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty CP Xây dựng HUD101

- Mã chứng khoán: H11

- Địa chỉ: 404B1, số 176 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Điện thoại: 024.3868 9892

Fax:

Email: tchchud101@gmail.com

Website: hud101.vn

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc)

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con)

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng)

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán...):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm trước

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong thời kỳ báo lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không



Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2024 tại đường dẫn: <http://www.hud101.vn/tinquanhecodong/bao-cao-tai-chinh-thuong-nien>.

Nơi nhận: *[Handwritten signature]*

- BCTC năm 2023;
- Văn bản giải trình (Nếu có);
- Lưu: VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT *[Handwritten signature]*
GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Quân



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101 (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 08 năm 2023.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD101 Construction Joint Stock Company.
Tên viết tắt là: HUD101., JSC

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 22/8/2022 là 10.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã H11.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch
Ông Trần Thế Tài	Thành viên
Bà Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên
Ông Bùi Văn Quân	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hùng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Nga	Trưởng ban
Ông Lã Văn Hiệp	Thành viên
Ông Ngô Văn Hòa	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thế Tài	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/08/2023)
Ông Bùi Văn Quân	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/08/2023)
Ông Nguyễn Trung Hùng	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Văn Quân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Số: 112/2024/BCKT- CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng HUD 101, được lập ngày 26/3/2024, từ trang 05 đến trang 28, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2024/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2024-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		99.350.310.063	100.149.898.531
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	7.045.715.115	6.044.506.559
1. Tiền	111		7.045.715.115	6.044.506.559
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.230.000.000	6.230.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	6.230.000.000	6.230.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.355.050.575	78.103.137.867
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	19.611.691.014	31.587.866.879
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	6.209.537.062	362.312.721
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	45.514.064.408	47.133.200.176
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(980.241.909)	(980.241.909)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	13.024.264.593	9.488.837.681
1. Hàng tồn kho	141		13.024.264.593	9.488.837.681
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.695.279.780	283.416.424
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	19.800.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.515.748.330	203.111.293
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	159.731.450	80.305.131
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		1.838.548.878	2.033.287.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		1.838.548.878	2.033.287.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	1.838.548.878	2.033.287.070
- Nguyên giá	222		3.633.725.094	3.633.725.094
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.795.176.216)	(1.600.438.024)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		101.188.858.941	102.183.185.601

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		88.501.701.175	89.566.353.005
I. Nợ ngắn hạn	310		88.501.701.175	89.566.353.005
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	4.115.945.778	15.431.248.812
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	7.829.075.152	1.513.149.407
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	1.965.744.795	7.148.142
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.459.861.499	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	35.879.879.859	37.306.049.454
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	35.244.233.579	35.301.796.677
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		6.960.513	6.960.513
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		12.687.157.766	12.616.832.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	12.687.157.766	12.616.832.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.600.000.000	10.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.600.000.000	10.600.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.432.445.058	1.432.445.058
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		654.712.708	584.387.538
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		584.387.538	306.694.899
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		70.325.170	277.692.639
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		101.188.858.941	102.183.185.601

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trịnh Như Trang

Phạm Văn Khắc

Bùi Văn Quân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	46.954.773.891	136.136.166.862
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		46.954.773.891	136.136.166.862
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	43.171.834.960	130.999.312.529
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		3.782.938.931	5.136.854.333
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	315.645.052	274.210.793
7. Chi phí tài chính	22	6.4	1.535.639.803	1.862.062.301
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.535.639.803	1.862.062.301
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	2.463.870.538	3.120.166.876
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		99.073.642	428.835.949
10. Chi phí khác	32		8.933.744	52.476.121
11. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(8.933.744)	(52.476.121)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		90.139.898	376.359.828
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	19.814.728	98.667.189
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		70.325.170	277.692.639
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	66	262

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu

Trịnh Như Trang

Kế toán trưởng

Phạm Văn Khắc

Giám đốc



Bùi Văn Quân

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		66.647.666.012	89.981.821.848
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(59.483.433.256)	(85.706.671.229)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.421.850.031)	(1.602.677.905)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.190.242.402)	(1.572.385.716)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(98.667.189)	(687.141.095)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.693.938	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.714.040.470)	(1.689.301.317)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>743.126.602</i>	<i>(1.276.355.414)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(900.000.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		315.645.052	274.210.793
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>315.645.052</i>	<i>(625.789.207)</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		49.274.177.024	45.428.011.537
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(49.331.740.122)	(44.379.404.801)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(57.563.098)</i>	<i>1.048.606.736</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</i>	<i>50</i>		<i>1.001.208.556</i>	<i>(853.537.885)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	<i>60</i>		<i>6.044.506.559</i>	<i>6.898.044.444</i>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</i>	<i>70</i>	<i>5.1</i>	<i>7.045.715.115</i>	<i>6.044.506.559</i>

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trịnh Như Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Giám đốc



Bùi Văn Quân

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng HUD101 hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102243403 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007, thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 08 năm 2023.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: HUD101 Construction Joint Stock Company
Tên viết tắt là: HUD101., JSC.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 là 10.600.000.000 đồng (*Bằng chữ: Mười tỷ, sáu trăm triệu đồng*)

Cổ phiếu của Công ty đang được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và giao dịch trên sàn UpCOM với mã H11.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng 404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 23 người (tại 31/12/2022 là 25 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bán buôn ô tô và xe có động cơ;
- Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, phục vụ công nghệ xây dựng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư, thiết bị xây dựng; Mua bán các cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; cho thuê giàn giáo cốp pha;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất các công trình, hạng mục công trình xây dựng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình, hạng mục công trình xây dựng; dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt các công trình, hạng mục công trình xây dựng: dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu chính viễn thông, đường dây và trạm biến thế điện, công trình kỹ thuật hạ tầng trong các khu đô thị, khu công nghiệp;
- Lắp đặt: thiết bị kỹ thuật công trình xây dựng, hệ thống cứu hỏa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Thi công xây dựng, lắp đặt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đối với hoạt động thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường theo thời gian thi công của các công trình/dự án.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và dưới 12 tháng, với mục đích thu lãi hàng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	08 - 10
Thiết bị dụng cụ, quản lý	03 - 07

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng các công trình và diễn ra trên khắp lãnh thổ Việt Nam, nên chúng tôi không lập báo cáo bộ phận theo hoạt động sản xuất kinh doanh và theo khu vực địa lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	6.006.296.428	4.403.197.639
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.039.418.687	1.641.308.920
Tổng	7.045.715.115	6.044.506.559

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000
Tổng	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000	6.230.000.000

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	19.611.691.014	31.587.866.879
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị	10.805.782.045	8.355.973.475
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	800.333.299	800.333.299
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 4	2.040.421.883	6.337.973.883
Công ty CP TĐ ĐT XD và du lịch Bảo Sơn	-	579.881.726
Công ty cổ phần XL điện và HTKT số 33	413.737.716	413.737.716
Công ty CP Mạnh Đức Phát	2.720.103.517	10.618.421.726
Nhà máy Z119 Quân chủng phòng không không quân	-	1.650.232.500
Đối tượng khác	2.831.312.554	2.831.312.554
Tổng	19.611.691.014	31.587.866.879

*Trong đó: Phải thu các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)*

800.333.299

800.333.299

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn xây dựng Hoà Phúc	4.580.989.409	67.100.000
Công ty TNHH TM và DV Thiết bị Xây dựng Đông Đức	45.000.000	45.000.000
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển TM Huy Hoàng	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Cơ Khí - Xây Dựng Bạch Phương	75.000.000	-
Công Ty TNHH Dự án APG	77.106.480	-
Công ty Cổ phần Tecnika Group	600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Tây Bắc - CN Sơn Tây	438.091.414	-
Công ty CP Thương mại & vận tải Hoàng Phúc	67.100.000	-
Đối tượng khác	76.249.759	212.721
Tổng	6.209.537.062	362.312.721

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	45.514.064.408	-	47.133.200.176	-
Tạm ứng	45.158.096.350	-	46.878.785.168	-
Phải thu ngắn hạn khác	355.968.058	-	254.415.008	-
Tổng	45.514.064.408	-	47.133.200.176	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	980.241.909	-	980.241.909	-

Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này

Trong đó:

	Quá hạn trên 3 năm VND
BQL CTKCH kênh mương - Lương Sơn - HB	30.132.000
Công ty CP đầu tư xây dựng Hà Nội H&H	238.000.000
Công ty cổ phần XD Hoàng Hương	173.077.600
Công ty CP đầu tư và xây dựng đô thị Hà Nội	60.656.000
Công ty CP máy thiết bị, TM và XD Long Thành	120.787.310
Công ty cổ phần đầu tư Ngân Giang	48.660.000
Công ty TNHH TM và TB cơ giới XD Tân Đạt	112.819.999
Công ty cổ phần đầu tư thiết bị xây dựng Hà Nội	196.109.000
Tổng	980.241.909

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.024.264.593	-	9.488.837.681	-
Tổng	13.024.264.593	-	9.488.837.681	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.7 Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Chi tiết theo công trình:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
San nền, đường hè, TNM- Tây Linh Đàm Đội 7	1.153.780.520	1.153.780.520
San nền, ĐGT, TNM, TNT phần 1 HTKT Mai Trai	968.412.228	968.412.228
Khu ĐTM Phú Mỹ Hưng	1.699.368.738	1.573.380.741
Thi công gói thầu số 8A - HTKT Linh Đàm	-	514.544.442
HTKT-01/21 Rải BTN, lát vỉa hè khu ĐT Thanh Lâm	305.496.355	305.496.355
Nhà ở thấp tầng liên kế vườn lô LKV-07 HĐ 394/21	-	29.000.000
Nhà biệt thự - Khu đô thị Mê Linh	-	1.335.031.747
Nhà LKV-03AB Mai Trai Sơn Tây	196.237.298	-
Nhà liền kề LKV-04A Mai Trai Sơn Tây	2.525.560.432	-
Thi công 10 căn thấp tầng, thôn Tựu Liệt, Tam Hiệp, HN	2.581.584.271	-
Công trình khác	3.593.824.751	3.609.191.648
Tổng	13.024.264.593	9.488.837.681

5.8 Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	19.800.000	-
Phí bảo hiểm chờ phân bổ	19.800.000	-
Tổng	19.800.000	-

5.9 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số phải nộp		Số đã nộp	
	01/01/2023	trong năm	trong năm	31/12/2023
Phải thu	80.305.131	-	79.426.319	159.731.450
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.014.152	-	78.852.461	113.866.613
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	573.858	573.858
Các khoản phí lệ phí, thuế khác	45.290.979	-	-	45.290.979
	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
Phải nộp	7.148.142	2.501.329.112	542.732.459	1.965.744.795
Thuế giá trị gia tăng	-	2.478.514.384	512.769.589	1.965.744.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	19.814.728	19.814.728	-
Thuế thu nhập cá nhân	7.148.142	-	7.148.142	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101
P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2023	1.609.450.834	154.285.714	1.671.952.182	198.036.364	3.633.725.094
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	1.609.450.834	154.285.714	1.671.952.182	198.036.364	3.633.725.094
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2023	80.159.483	154.285.714	1.286.306.463	79.686.364	1.600.438.024
Tăng trong năm	64.378.071	-	99.560.121	30.800.000	194.738.192
Khấu hao trong năm	64.378.071	-	99.560.121	30.800.000	194.738.192
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	144.537.554	154.285.714	1.385.866.584	110.486.364	1.795.176.216
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2023	1.529.291.351	-	385.645.719	118.350.000	2.033.287.070
Số dư tại 31/12/2023	1.464.913.280	-	286.085.598	87.550.000	1.838.548.878

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 870.674.260 đồng (tài ngày 31/12/2022 là 870.674.260 đồng).
Giá trị còn lại tài sản cố định thể chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 là 286.085.668 đồng (tài ngày 31/12/2022 là 385.645.828 đồng).



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.115.945.778	4.115.945.778	15.431.248.812	15.431.248.812
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng HUD 1	700.093.321	700.093.321	700.093.321	700.093.321
Công ty TNHH Bê tông đúc sẵn và cơ khí Bình Dương	352.455.494	352.455.494	352.455.494	352.455.494
Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và đô thị HUDSE	211.511.080	211.511.080	261.511.080	261.511.080
Công ty TNHH XD Việt Hưng	430.612.000	430.612.000	430.612.000	430.612.000
Công ty CP vật liệu xây dựng Bắc Dương	-	-	1.720.256.283	1.720.256.283
Công ty CP Dũng Bảo	466.348.124	466.348.124	5.703.006.166	5.703.006.166
Công ty CP Tập đoàn xây dựng Hoà Phúc	-	-	1.507.298.867	1.507.298.867
Công ty CP sản xuất và DV TM Trung Đức	218.398.092	218.398.092	868.398.092	868.398.092
Công ty CP CN SPEED- X Việt Nam	-	-	1.583.648.800	1.583.648.800
Công ty CP TM&XD An Tài Phát	100.030.385	100.030.385	300.030.385	300.030.385
Công ty TNHH Hoàng Lam	29.039.771	29.039.771	768.248.490	768.248.490
Công ty CP TM và XD Mai Ngọc	429.832.634	429.832.634	-	-
Đối tượng khác	1.177.624.877	1.177.624.877	1.235.689.834	1.235.689.834
Tổng	4.115.945.778	4.115.945.778	15.431.248.812	15.431.248.812

*Trong đó: Phải trả
người bán là các bên
liên quan (Chi tiết trình
bày tại Thuyết minh số
7.2)*

700.093.321

700.093.321

700.093.321

700.093.321

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HUD 101

P.404 Tòa nhà B1 số 176 Phố Định Công,
P. Định Công, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.12 Người mua trả tiền trước

	VND	VND
Ngắn hạn	7.829.075.152	1.513.149.407
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	4.863.918.148	1.493.139.579
Công ty Cổ phần Q8	274.400.000	-
Công ty Cổ phần Công nghệ cao Hà Nội	2.670.747.176	-
Đối tượng khác	20.009.828	20.009.828
Tổng	7.829.075.152	1.513.149.407

*Trong đó: Người mua trả trước là các bên liên quan
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)*

4.863.918.148	1.493.139.579
---------------	---------------

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	524.242.385	495.143.243
Bảo hiểm thất nghiệp	100.118.327	71.133.239
Các khoản phải trả, phải nộp khác	35.255.519.147	36.739.772.972
<i>Phải trả các đội thi công</i>	<i>34.464.300.652</i>	<i>35.977.565.328</i>
<i>Cổ tức phải trả</i>	<i>162.180.000</i>	<i>162.180.000</i>
<i>Các khoản phải trả khác</i>	<i>629.038.495</i>	<i>600.027.644</i>
Tổng	35.879.879.859	37.306.049.454

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.14 Vay và Nợ thuê tài chính

	31/12/2023		Phát sinh trong năm		01/01/2023	Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	
Vay ngắn hạn	35.244.233.579	35.244.233.579	49.274.177.024	49.331.740.122	35.301.796.677	35.301.796.677
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội (1)	34.844.233.579	34.844.233.579	49.274.177.024	49.331.740.122	34.901.796.677	34.901.796.677
Vay cá nhân (2)	400.000.000	400.000.000	-	-	400.000.000	400.000.000
Tổng	35.244.233.579	35.244.233.579	49.274.177.024	49.331.740.122	35.301.796.677	35.301.796.677

Đơn vị tính: VND

(1) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1619316/HĐTD ngày 25/10/2023. Hạn mức tín dụng thường xuyên: 60.000.000.000 đồng, trong đó dự nợ cho vay, bảo lãnh thanh toán và mở L/C trừ ký quỹ tối đa tại mọi thời điểm là 35.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Biện pháp đảm bảo: là các hợp đồng cầm cố tài sản, thế chấp quyền tài sản, thế chấp tài sản, giữa Ngân hàng và Công ty; hợp đồng cầm cố tài sản của bên thứ 3 giữa Ngân hàng và Ông Nguyễn Đức Khương và Ông Nguyễn Thị Hồng Hạnh; Hợp đồng cầm cố tài sản gửi giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Trung Hùng, bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh;.....

(2) Vay vốn của các cá nhân trong Công ty, lãi suất 0%

197
TY
H
D
A
N
T
A

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2022	10.600.000.000	1.432.445.058	306.694.899	12.339.139.957
Tăng trong năm	-	-	277.692.639	277.692.639
Lãi trong năm trước	-	-	277.692.639	277.692.639
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2022	10.600.000.000	1.432.445.058	584.387.538	12.616.832.596
Số dư tại 01/01/2023	10.600.000.000	1.432.445.058	584.387.538	12.616.832.596
Tăng trong năm	-	-	70.325.170	70.325.170
Lãi trong năm nay	-	-	70.325.170	70.325.170
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	10.600.000.000	1.432.445.058	654.712.708	12.687.157.766

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	5.406.000.000	5.406.000.000
Cổ đông khác	5.194.000.000	5.194.000.000
Tổng	10.600.000.000	10.600.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	10.600.000.000	10.600.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	10.600.000.000	10.600.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023 Cổ phiếu	01/01/2023 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.060.000	1.060.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.060.000	1.060.000
Cổ phiếu phổ thông	1.060.000	1.060.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**e. Các quỹ của doanh nghiệp**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.432.445.058	1.432.445.058
Tổng	1.432.445.058	1.432.445.058

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	46.954.773.891	136.136.166.862
Tổng	46.954.773.891	136.136.166.862
<i>Trong đó: Doanh thu với bên liên quan</i>	-	44.102.763.742
<i>(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	43.171.834.960	130.999.312.529
Tổng	43.171.834.960	130.999.312.529

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	43.171.834.960	130.999.312.529
Tổng	43.171.834.960	130.999.312.529

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.535.639.803	1.862.062.301
Tổng	1.535.639.803	1.862.062.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.964.238.469	2.328.709.314
Chi phí khấu hao	194.738.192	194.738.192
Thuế phí và lệ phí	3.198.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.504.608	422.179.387
Chi phí bằng tiền khác	246.191.269	171.539.983
Tổng	2.463.870.538	3.120.166.876

6.6 Thu nhập khác, chi phí khác

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Thu nhập khác		
Tổng	-	-
Chi phí khác		
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế	8.933.744	52.476.121
Tổng	8.933.744	52.476.121
Lợi nhuận khác	(8.933.744)	(52.476.121)

6.7 Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	90.139.898	376.359.828
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Điều chỉnh tăng	8.933.744	116.976.121
<i>Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm và thuế</i>	<i>8.933.744</i>	<i>52.476.121</i>
<i>Thù lao HDQT không chuyên trách</i>	<i>-</i>	<i>64.500.000</i>
Điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	99.073.642	493.335.949
Thu nhập chịu thuế	99.073.642	493.335.949
Thuế suất hiện hành		
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.814.728	98.667.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.814.728	98.667.189

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	70.325.170	277.692.639
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	70.325.170	277.692.639
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1.060.000	1.060.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	66	262

Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	22.407.050.984	35.947.239.135
Chi phí nhân công	3.048.576.499	11.483.635.377
Chi phí sử dụng máy thi công	64.363.636	89.300.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	194.738.192	194.738.192
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.635.756.787	72.318.748.688
Chi phí khác bằng tiền	657.845.504	642.435.738
Tổng	50.008.331.602	120.676.097.130

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Danh sách các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ
Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch HĐQT
Trần Thế Tài	Thành viên HĐQT, Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/08/2023)
Bùi Văn Quân	Thành viên HĐQT, Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 12/08/2023)
Nguyễn Trung Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc
Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên HĐQT
Nguyễn Thu Nga	Trưởng BKS
Lã Văn Hiệp	Thành viên BKS
Ngô Văn Hòa	Thành viên BKS
Phạm Văn Khắc	Kế toán trưởng
Và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan	Ảnh hưởng đáng kể

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc			
Nguyễn Đức Khương	Chủ tịch HĐQT	178.380.000	149.305.080
Trần Thế Tài	Thành viên HĐQT, Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/08/2023)	115.003.815	154.305.376
Bùi Văn Quân	Thành viên HĐQT, Giám đốc(Bổ nhiệm ngày 12/08/2023)	168.975.000	157.383.956
Nguyễn Trung Hùng	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	148.500.000	156.742.542
Vũ Thị Hồng Liễu	Thành viên HĐQT	18.000.000	18.000.000
Tổng		628.858.815	635.736.954
Ban kiểm soát			
Nguyễn Thu Nga	Trưởng BKS	83.101.973	105.559.663
Lã Văn Hiệp	Thành viên BKS	113.301.589	101.172.975
Ngô Văn Hòa	Thành viên BKS	126.696.307	105.475.988
Tổng		323.099.869	312.208.626

b. Số dư với các bên liên quan

Khoản mục	Mối quan hệ	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1.02	Cùng Công ty mẹ	800.333.299	800.333.299
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	270.000.000	270.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	430.093.321	430.093.321
Người mua trả trước			
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	Công ty mẹ	4.863.918.148	1.493.139.579

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7.2 Thông tin về các bên liên quan

c. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Mua nguyên vật liệu, thuê cầu		4.111.371.035	4.111.371.035
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng An Tài Phát	Người có liên quan của Giám đốc	4.111.371.035	4.111.371.035
Trả tiền mua nguyên vật liệu		200.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng An Tài Phát	Người có liên quan của Giám đốc	200.000.000	-
Doanh thu xây lắp		-	44.102.763.742
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển HUD 1	Công ty mẹ	-	44.102.763.742

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPAVIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2024

Người lập biểu



Trịnh Như Trang

Kế toán trưởng



Phạm Văn Khắc

Giám đốc



Bùi Văn Quân